

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Thanh Cầm.

Bà Doãn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L - Sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ ở Việt Nam trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, địa chỉ: Tầng D, số A, đường T, quận N, thành phố Đ, Đài Loan.

- Bị đơn: Ông Dương Văn D - sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: chị Hoàng Thị C - sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L xây dựng gia đình với ông Dương Văn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ,

huyện C ngày 01/11/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó một thời gian chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn là do ông D bỏ bịch, thường xuyên ghen tuông và đánh đập bà L. Bà L đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông D vẫn cứng nạo tặc ấy. Năm 2016, vì cuộc sống gia đình khó khăn nên bà L đi xuất khẩu tại Đài Loan. Trong thời gian bà L đi xuất khẩu ông D ở nhà không tu chí làm ăn mà tự ý bán các tài sản chung không thông qua ý kiến của bà L. Sau ba năm hết hợp đồng, năm 2019 bà L có về nước nghỉ phép 01 tháng, trong thời gian này ông D thường xuyên khủng bố tinh thần bà L, hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Khi hết phép thì bà L tiếp tục quay lại Đài Loan, ông D ở nhà lại tiếp tục bán hết các tài sản trong nhà, cặp bồ với nhiều người. Nay bà L thấy cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L đề nghị được ly hôn với ông D.

Về con chung: Hai vợ chồng bà L và ông D có 02 con chung là Dương Thị N sinh ngày 16/6/1992 và Dương Thị Thư sinh ngày 05/11/1993, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện đang các con chung đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, bà Hoàng Thị L đề nghị Toà án tổng đạt văn bản tố tụng cho bà L thông qua người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của mình là chị Hoàng Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt ông Dương Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D kết hôn với bà L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C ngày 01/11/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ năm 2016 bà L đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan thì khoảng hai năm đầu có thường xuyên liên lạc qua Facebook, nhưng sau khi bà L gửi tiền trả nợ xong cho ngân hàng thì ông D có xem trên Facebook của bà L thấy bà L thường xuyên đăng ảnh đi chơi bên Đài Loan thì ông D có nhắc nhở nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không liên lạc với nhau nữa cho đến bây giờ. Quá trình bà L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì có về nước một lần, thời gian về nước khoảng một tháng nhưng chỉ ở nhà khoảng 5 ngày, rồi sang ở nhà mẹ vợ ngay cạnh nhà rồi đi thăm con gái ở Thái Nguyên. Nay bà L yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông thì ông D hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Hai vợ chồng ông D và bà L có 02 con chung là Dương Thị N sinh ngày 16/6/1992 và Dương Thị Thư sinh ngày 05/11/1993, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện đang các con chung đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, bà L và ông D có yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật, đề nghị Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như mở phiên tòa để xét xử vụ án trước thời hạn mà pháp luật quy định, không kéo dài thời gian mở phiên họp, phiên tòa như trong thông báo thụ lý vụ án.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn là chị Hoàng Thị C cam kết nhận các văn bản tố tụng từ Tòa án giao lại cho nguyên đơn và đề nghị vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, các đương sự đã giao nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ. Mặt khác các đương sự đều đề nghị Tòa án: không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy, việc Tòa án mở phiên tòa sớm hơn không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hoàng Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L được ly hôn ông Dương Văn D.

- Về con chung: Hai con chung là Dương Thị N sinh ngày 16/6/1992 và Dương Thị Thư sinh ngày 05/11/1993. Hiện đang các con chung đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn trước khi sang Đài Loan làm việc thì có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về địa chỉ của nguyên đơn và việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Địa chỉ của nguyên đơn đã được cung cấp rõ ràng, đầy đủ, đảm bảo cho việc cũng cấp các văn bản tố tụng của Tòa án cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã ủy quyền cho chị Hoàng Thị C nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị C nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Hoàng Thị C cũng đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 10/12/2024, thời gian mở phiên tòa vào ngày 10/4/2025 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác, bà L và ông D đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về phần con chung, tài sản chung và vay nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: Ly hôn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L và ông Dương Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn năm 2002. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía bà L và ông D trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L và ông D cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đều nhất trí yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị L là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hai vợ chồng bà L và ông D có 02 con chung là Dương Thị N sinh ngày 16/6/1992 và Dương Thị Thư sinh ngày 05/11/1993. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện đang các con chung đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hoàng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L được ly hôn ông Dương Văn D.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000033 ngày 06/6/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn; (Khi bản án có Hiệu lực PL);
- UBND xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn; (Khi bản án có Hiệu lực PL);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Anh Tuấn